



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, Corner Stone Building
11 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, V.N. of Vietnam

Tel: + 84-4 3821 5200
Fax: + 84-4 3821 5200
ey.com

Số tham chiếu: 00640753/16047188

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Kính gửi: **Các cổ đông**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong

Báo cáo tài chính tóm tắt, được lập ngày 20 tháng 03 năm 2014 và được trình bày từ trang 03 đến trang 05 bao gồm bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("Ngân hàng"). Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đầy đủ này tại báo cáo kiểm toán lập ngày 20 tháng 03 năm 2014. Báo cáo tài chính đầy đủ này và báo cáo tài chính tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán cáo Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính đầy đủ của Ngân hàng.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh, cho mục đích công khai báo cáo tài chính theo quy định tại Mục b, Khoản 2, Điều 14, Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 về Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 - "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tóm tắt, được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng đã được kiểm toán, đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán và phù hợp với quy định tại Mục b, Khoản 2, Điều 14, Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 về Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Thủy Dương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0893-2013-004-1


Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	31/12/2013 VND	31/12/2012 trình bày lại VND
TÀI SẢN		
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	294.799.238.485	65.320.769.847
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	228.461.114.920	364.312.238.382
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	5.855.857.092.577	2.188.579.540.838
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	4.709.214.236.243	1.894.442.040.838
Cho vay các TCTD khác	1.330.160.800.000	515.000.000.000
Dự phòng rủi ro cho vay/ tiền gửi tại các TCTD khác	(183.717.943.666)	(220.862.500.000)
Chứng khoán kinh doanh	174.361.159.453	21.672.710.001
Chứng khoán kinh doanh	212.610.049.813	34.328.094.136
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(38.455.490.360)	(12.755.384.135)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7.965.500.225	-
Cho vay khách hàng	11.809.048.776.524	5.990.357.682.851
Cho vay khách hàng	11.925.991.430.338	6.083.030.002.863
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(116.942.653.814)	(92.672.320.042)
Chứng khoán đầu tư	12.183.871.217.431	6.453.320.269.504
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.776.297.873.922	5.540.302.142.409
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	437.603.343.509	200.000.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(30.000.000.000)	(286.981.872.905)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp liên doanh	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Đầu tư dài hạn khác	10.000.000.000	10.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Tài sản cố định	68.365.474.042	69.065.687.663
Tài sản cố định hữu hình	55.109.714.333	50.853.140.844
Nguyên giá tài sản cố định	127.687.896.827	110.748.798.458
Hao mòn tài sản cố định	(72.578.182.494)	(55.893.657.614)
Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
Nguyên giá tài sản cố định	-	-
Hao mòn tài sản cố định	-	-
Tài sản cố định vô hình	13.255.759.709	18.212.546.819
Nguyên giá tài sản cố định	47.340.203.328	44.852.628.743
Hao mòn tài sản cố định	(34.084.443.619)	(26.640.081.924)
Tài sản cố khác	1.457.509.243.290	957.840.783.898
Các khoản phải thu	1.307.300.483.743	812.873.453.251
Các khoản lãi, phí phải thu	526.497.387.671	359.133.836.871
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-
Tài sản Cố khác	595.168.758.187	703.323.108.684
Trong đó: Lợi thế thương mại	-	-
Dự phòng rủi ro các tài sản Cố nội bảng khác	(671.457.386.311)	(917.489.614.908)
TỔNG TÀI SẢN	32.088.038.816.947	15.120.369.682.984

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tài ngày 31 tháng 12 năm 2013

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	833.787.253.030
Tiền gửi và vay các TCTD khác	11.393.516.645.604	762.944.387.317
Tiền gửi của các TCTD khác	6.678.191.105.604	35.478.387.317
Vay các TCTD khác	4.715.325.540.000	727.466.000.000
Tiền gửi của khách hàng	14.331.681.384.239	9.269.925.440.111
Các công cụ tài chính phải sinh và các công nợ tài chính khác	-	7.436.054.809
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-
Phát hành giấy tờ có giá	2.341.440.000.000	762.248.000.000
Các khoản nợ khác	320.730.394.833	176.021.793.493
Các khoản lãi, phí phải trả	234.940.889.017	151.158.193.436
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	77.565.018.369	19.205.637.101
Dự phòng rủi ro khác	8.224.487.457	4.657.962.956
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	28.387.368.424.676	11.801.362.928.760
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
<i>Vốn và các quỹ</i>		
Vốn	4.527.197.789.000	4.527.197.789.000
Vốn điều lệ	5.550.000.000.000	5.550.000.000.000
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	(1.019.998.660.000)	(1.019.998.660.000)
Cổ phiếu quỹ	(2.803.560.000)	(2.803.560.000)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	-	-
Vốn khác	-	-
Các quỹ dự trữ	42.132.785.732	42.132.785.732
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
Lỗi lũy kế	(868.660.173.461)	(7.250.323.811.506)
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.700.670.362.271	3.319.006.754.224
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU	32.088.038.816.947	15.120.369.682.984

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		
Bảo lãnh vay vốn	-	-
Cam kết trong nghiệp vụ LIC	120.605.374.535	133.083.983.235
Bảo lãnh khác	902.128.385.232	578.254.075.730
Các cam kết đưa ra		
Cam kết tài trợ cho khách hàng	-	-
Cam kết khác	2.490.000.000.000	-
	3.512.731.759.767	709.338.058.965

Người lập:



Bà Ngô Thị Ánh Tuyết
 Người lập

Người kiểm soát:



Bà Lê Cẩm Tú
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hưng
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.666.866.081.736	1.380.295.709.283
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	<u>(1.069.425.914.340)</u>	<u>(1.105.678.079.315)</u>
Thu nhập lãi thuần	597.440.167.396	274.617.629.968
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	44.780.142.360	17.592.294.173
Chi phí hoạt động dịch vụ	<u>(14.704.908.788)</u>	<u>(27.937.854.552)</u>
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	30.075.233.572	(10.345.560.379)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	11.716.516.984	5.664.387.624
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	20.378.756.269	6.818.746.329
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	21.023.896.432	(3.303.417.854)
Thu nhập từ hoạt động khác	212.088.551.891	280.292.478.520
Chi phí hoạt động khác	<u>(6.856.462.001)</u>	<u>(41.128.461.790)</u>
Lãi từ hoạt động khác	205.210.089.890	239.164.026.730
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	3.462.426.773	1.879.152.229
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	889.307.086.316	514.494.964.647
Chi phí tiền lương	(192.265.425.756)	(124.570.967.846)
Chi phí khấu hao	(27.146.820.692)	(27.325.684.984)
Chi phí hoạt động khác	<u>(203.723.039.263)</u>	<u>(173.654.944.877)</u>
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(423.135.285.711)	(325.551.587.707)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	466.171.800.605	188.943.376.940
Chi phí DPRR cho các khoản cho vay khách hàng và các cam kết ngoại bảng	(80.826.522.652)	(66.728.252.078)
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng	<u>(3.960.027.000)</u>	<u>(3.862.500.000)</u>
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	381.385.250.953	118.352.624.862
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN	-	-
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	381.385.250.953	118.352.624.862
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	688	388

Người lập



Bà Ngô Thị Ánh Tuyết
Người lập

Người kiểm soát



Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 03 năm 2014